

Bản án số: **02/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 05/01/2022
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - BẾN TRE**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hồng Hà.
2. Bà Đinh Thị Thanh Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Bùi Thị Kiều D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn Hải, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2021, bản khai và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 29/11/2021, nguyên đơn chị Bùi Thị Kiều D có lời trình bày:

Chị Bùi Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/9/2013, đây là hôn nhân xuất phát từ mối quan hệ quen biết trước đó mà thành vợ chồng.

Trong quá trình sống chung với nhau, những năm đầu sống rất hạnh phúc tuy nhiên đến khoảng năm 2019, 2020 thì hai người phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng

suy nghĩ, anh Hải đối xử lạnh nhạt với chị D, không lo cho vợ con từ đó vợ chồng thường hay cãi cọ làm cho không khí gia đình ngột ngạt, trầm uất, hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị và con gái chị chuyển về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh Hải từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/5/2013, hiện đang sống chung với chị D.

Trong thời kì hôn nhân hai vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả đôi bên. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H, chị không yêu cầu anh Hải cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn và chị cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho anh H.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Gia H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H do vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì vậy không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã đến mức trầm trọng; cả hai sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Bùi Thị Kiều D trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/5/2013, hiện đang sống chung với chị D, ghi nhận chị D không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn trình bày không có vì vậy không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn, có đăng kí kết hôn ngày 16/9/2013 và đã nhận được giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn, thời gian sống chung với nhau lúc ban đầu có hạnh phúc tuy nhiên từ khoảng năm 2019, 2020 đến nay thì hai người phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng suy nghĩ từ đó vợ chồng thường hay cãi cọ làm cho không khí gia đình ngột ngạt, trầm uất, hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã thực sự ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay; hiện nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng với bị đơn không còn nên yêu cầu được ly hôn, bị đơn không có mặt để trình bày ý kiến đồng ý hay không đồng ý mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ phiên hòa giải với mục đích là hòa giải, động viên nhằm hàn gắn tình cảm, quan hệ giữa vợ chồng cho hai bên tuy nhiên nguyên đơn cương quyết ly hôn và có ý kiến đề nghị không cần hòa giải, bị đơn cũng không tự nguyện đến Tòa án theo thông báo của Tòa án để giải quyết nội dung xin ly hôn của nguyên đơn

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/5/2013, hiện đang sống chung với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung; đối với chị D, sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị là người trực tiếp nuôi cháu H, nguyện vọng của cháu cũng muốn sống chung với chị và phía anh H cũng không có ý kiến gì về việc nuôi cháu H vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con của nguyên đơn.

Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là phù hợp với việc đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000đồng theo biên lai thu số 0001004 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Kiều D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Ghi nhận chị Bùi Thị Kiều D không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Bùi Thị Kiều D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 16/5/2013, hiện đang sống chung với chị D cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Bùi Thị Kiều D không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kiều D phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0001004 ngày 10/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã S, huyện C;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường